TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50 /2019/QĐST - HNGĐ	*Yên Mô, ngày 2 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2019 /TLST/HNGĐ ngày 8 tháng 7 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N– sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm D, xã Yi, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T– sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm D, xã Yi, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày19 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Tuấn A sinh ngày 16/10/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Tuấn Anh tuổi thành niên. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ tháng 9/2019 đến khi cháu Phạm Nguyễn Tuấn A đủ tuổi thành niên.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Tuấn A được chung sống với chị N. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh T không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về án phí

- *Án phí ly hôn:* Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002133 ngày 8/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Y;*
- *Chi cục THADS huyện Y*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Y;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(Đa ký)

Nguyễn Thị Hoa